

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYÊN KIM PHÚ THINH

Địa chỉ: 74F3 Khu ĐTM Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH**

QUÝ: IV NĂM 2014

Gồm các biểu:

- 1. Bảng Cân đối kế toán**
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính**

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152.722.863.960	55.872.812.001
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	10.109.686.389	3.224.576.838
Tiền	111		10.109.686.389	3.224.576.838
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.670.170.487	36.187.165.536
Phải thu khách hàng	131	VI.2	80.374.000.700	35.918.176.178
Trả trước cho người bán	132	VI.3	49.291.180.954	264.000.525
Các khoản phải thu khác	135	VI.4	4.988.833	4.988.833
Hàng tồn kho	140	VI.5	12.668.743.101	9.988.769.579
Hàng tồn kho	141		12.668.743.101	9.988.769.579
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		274.263.983	6.472.300.048
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		274.263.983	472.300.048
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	-	6.000.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		194.700.045.922	263.410.609.743
Tài sản cố định	220		7.200.045.922	5.909.585.848
Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	4.670.919.396	5.240.965.848
- Nguyên giá	222		5.867.131.150	5.867.131.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.196.211.754)	(626.165.302)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	2.529.126.526	668.620.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		187.500.000.000	257.500.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	VI.9	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.10	167.500.000.000	237.500.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	1.023.895
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.023.895
TỔNG TÀI SẢN	270		347.422.909.882	319.283.421.744

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		110.767.619.682	83.416.902.515
Nợ ngắn hạn	310		110.767.619.682	83.416.902.515
Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.11	35.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả người bán	312	VI.12	69.084.102.443	66.998.882.012
Người mua trả tiền trước	313	VI.13	1.207.428.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.14	2.557.687.409	4.634.818.673
Phải trả người lao động	315		-	-
Chi phí phải trả	316	VI.15	1.200.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.718.401.830	1.783.201.830
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.655.290.200	235.866.519.229
Vốn chủ sở hữu	410	VI.16	236.655.290.200	235.866.519.229
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.000.000.000	216.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		13.332.982.284	13.332.982.284
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.091.458.960	2.091.458.960
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.230.848.956	4.442.077.985
TỔNG NGUỒN VỐN	440		347.422.909.882	319.283.421.744

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

MB
Đỗ Hữu Mạnh

MB
Đỗ Hữu Mạnh



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Quý IV năm 2014***Mẫu số B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	49.901.046.273	10.426.818.182	100.658.301.273	33.035.729.981
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.2	49.901.046.273	10.426.818.182	100.658.301.273	33.035.729.981
Giá vốn hàng bán	11		48.524.332.397	9.861.998.670	95.850.415.994	30.491.408.246
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.376.713.876	564.819.512	4.807.885.279	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	30.276	57.337	498.177	272.322
Chi phí tài chính	22	VII.4	933.333.334	70.000.000	2.877.000.000	70.000.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		933.333.334	70.000.000	2.877.000.000	70.000.000
Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	227.599.387	197.662.871	918.343.749	879.880.832
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		215.811.431	297.213.978	1.013.039.707	1.594.713.225

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
Thu nhập khác	31		-	-	-	54.341.371
Chi phí khác	32		-	-	-	(54.341.371)
Lợi nhuận khác	40		-	-	-	(1.400.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		215.811.431	297.213.978	1.011.639.707	1.540.371.854
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		47.478.515	99.115.867	222.868.736	405.428.306
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		168.332.916	198.098.111	788.770.971	1.134.943.548
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					37

Hà Nội, Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

*MB**Đỗ Hữu Mạnh*

Kế toán trưởng

*MB**Đỗ Hữu Mạnh*

Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2014

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		1.011.639.707	1.540.371.854
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		301.689.894	541.285.087
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4		-	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(498.177)	(272.322)
Chi phí lãi vay	6		2.877.000.000	70.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		4.189.831.424	2.151.384.619
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(87.234.968.886)	7.070.569.255
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.679.973.522)	(6.577.992.098)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		4.427.848.431	(8.525.060.999)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.023.895	(1.023.895)
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.877.000.000)	(70.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.300.000.000)	(1.817.233.888)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.579.639.968)	(54.072.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		88.052.878.626	7.823.429.627
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.510.000)	(692.132.536)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		70.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		498.177	272.322
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		69.937.988.177	(691.860.214)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25.000.000.000	10.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.000.000.000	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.885.109.551	1.484.710.159
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.224.576.838	1.739.866.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	10.109.686.389	3.224.576.838

Hà nội, Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Đỗ Hữu Mạnh

Kế toán trưởng

Đỗ Hữu Mạnh

Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Thái Bá Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý IV năm 2014 của Công ty Cổ Phần Luyện Kim Phú Thịnh (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh:**

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô.
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp.
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim.
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính Quý III năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 07 (bảy) của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	04
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và khách hàng đồng ý thanh toán.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.6

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	10.103.540.227	3.213.136.699
Tiền gửi ngân hàng	6.146.162	11.440.139
Cộng	10.109.686.389	3.224.576.838

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
1 Tổng Công ty CP Tập đoàn tre gỗ Việt Nam	16.749.408.122	16.749.408.122
2 Công ty CP Luyện kim Đông Bắc	19.940.035.616	8.317.590.616
3 Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Mạnh	2.342.677.440	2.342.677.440
4 Công ty CP Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung	-	8.508.500.000
5 Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	37.411.879.522	
6 Công ty CP Đầu tư TM XNK Hùng Vương	3.930.000.000	
Cộng	80.374.000.700	35.918.176.178

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
1 Công ty CP thông tin và Định giá Việt Nam		100.000.000
2 Điện lực Nghĩa lộ	1.192.954	525
3 Công ty TNHH Đại Đồng Tiến	9.000.000	9.000.000
4 Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á	-	80.000.000
5 Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	75.000.000	75.000.000
6 Công ty CP Tư vấn Đầu tư Mỏ và Môi trường	60.000.000	
7 Công ty TNHH Thủy Hưng	49.074.008.000	
8 Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt tại HN	70.000.000	
9 Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Bắc	1.980.000	
Cộng	<u>49.291.180.954</u>	<u>264.000.525</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Thuế TNCN phải nộp	4.988.833	4.988.833
Cộng	<u>4.988.833</u>	<u>4.988.833</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	112.533.408	376.870.923
Công cụ, dụng cụ	23.974.000	23.974.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	615.256.655	733.550.977
Hàng hoá	11.916.979.038	8.854.373.679
Cộng	<u>12.668.743.101</u>	<u>9.988.769.579</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
- Tạm ứng	-	6.000.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>6.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày đầu năm	5.867.131.150	-	5.867.131.150
- Mua trong năm	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Tại ngày cuối quý	5.867.131.150	-	5.867.131.150
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày đầu năm	626.165.302	-	626.165.302
- Khấu hao trong năm	570.046.452	-	570.046.452
- Giảm khác	-	-	-
Tại ngày cuối quý	1.196.211.754	-	1.196.211.754
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	5.240.965.848	-	5.240.965.848
Tại ngày cuối quý	4.670.919.396	-	4.670.919.396

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Chi phí đền bù	2.529.126.526	445.892.727
Trạm biến áp		222.727.273
Cộng	2.529.126.526	668.620.000

9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Chi Kẽm Yên Bái	167.500.000.000	167.500.000.000
Công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai	-	70.000.000.000
Cộng	167.500.000.000	237.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Khoáng sản và luyện kim Thăng Long Nghệ An(*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

Ghi chú: (*) Tỷ lệ góp vốn là 100%

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>35.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Thành Đô	35.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	35.000.000.000	10.000.000.000

12. Phải trả người bán

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
1 Công ty cổ phần Thép Cao Bắc	436.839.523	436.839.523
2 Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Bắc Á	15.710.975.025	36.710.975.025
3 Công ty cổ phần An Hồng Phương	3.457.356.989	3.457.356.989
4 Công ty CP Khoáng sản Na ri Hamico	7.785.753.097	13.722.825.097
5 Công ty CP Đầu tư Xây dựng XNK Thăng Long	450.000.000	500.000.000
6 Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc	-	12.170.885.378
7 Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	41.243.177.809	
Cộng	69.084.102.443	66.998.882.012

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung	1.207.428.000	
Cộng	1.207.428.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.552.698.576	4.629.829.840
- Thuế thu nhập cá nhân	4.988.833	4.988.833
Cộng	2.557.687.409	4.634.818.673

- **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất 10%: Hàng bán trong nước.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.7).

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại hình khác nhau, có thể được giải thích nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
- Trích trước chi phí vận chuyển	1.200.000.000	0
Cộng	1.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

16. Vốn chủ Sở hữu

16.1 - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	4.442.077.985	235.866.519.229
Tăng do bàn giao tài sản	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Lãi/Lỗ trong năm	-	-	-	788.770.971	788.770.971
Tại ngày cuối quý	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	5.230.848.956	236.655.290.200

17. Cổ phiếu

	Số cuối quý Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
21.5 - Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.600.000	21.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.600.000	21.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.600.000	21.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	21.600.000	21.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu (10.000 VND/Cổ phiếu)

18. Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối quý	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	13.332.982.284	13.332.982.284
Quỹ dự phòng tài chính	2.091.458.960	2.091.458.960

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.901.046.273	10.426.818.182
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	47.628.319.000	10.426.818.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.272.727.273	-

2. Giá vốn hàng bán

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
- Giá vốn bán hàng	48.524.332.397	9.861.998.670
Cộng	48.524.332.397	9.861.998.670

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
Lãi tiền gửi	30.276	57.337
Cộng	30.276	57.337

4. Chi phí tài chính

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
- Chi phí lãi vay	933.333.334	70.000.000
Cộng	933.333.334	70.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
Chi phí quản lý Doanh nghiệp	227.599.387	197.662.871
Tổng cộng	227.599.387	197.662.871

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	215.811.431	297.213.978
- Tổng thu nhập chịu thuế	215.811.431	297.213.978
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
- Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	47.478.515	99.115.867
Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	47.478.515	99.115.867

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh hoạt động kinh doanh tại Thành phố Hà Nội. Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Và Luyện Kim Thăng Long - Nghệ An (công ty con) hoạt động kinh doanh tại Tỉnh Nghệ An.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Quý IV/2014</u>
Trong nước	49.901.046.273
	-
Cộng	49.901.046.273

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	10.109.686.389	10.109.686.389	3.224.576.838	3.224.576.838
Phải thu khách hàng	80.374.000.700	80.374.000.700	35.918.176.178	35.918.176.178
Phải thu khác	4.988.833	4.988.833	4.988.833	4.988.833
Tài sản tài chính khác	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	90.488.675.922	90.488.675.922	45.147.741.849	45.147.741.849
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	69.084.102.443	69.084.102.443	66.998.882.012	66.998.882.012
Phải trả khác	-	-	-	-
Tổng	69.084.102.443	69.084.102.443	66.998.882.012	66.998.882.012

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Các ngân hàng này đều là các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán	69.084.102.443	-	69.084.102.443
Phải trả khác	-	-	-
Tổng	69.084.102.443	-	69.084.102.443
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán	66.998.882.012	-	66.998.882.012
Tổng	66.998.882.012	-	66.998.882.012

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>Diễn Giải</u>	<u>Từ 1 năm trở</u> <u>xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến</u> <u>5 năm</u>	<u>Trên 5</u> <u>năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.109.686.389	-	-	10.109.686.389
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.378.989.533	-	-	80.378.989.533
Đầu tư dài hạn		187.500.000.000	-	187.500.000.000
Cộng	90.488.675.922	187.500.000.000	0	277.988.675.922
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.224.576.838	-	-	3.224.576.838
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.187.165.536	-	-	36.187.165.536
Đầu tư dài hạn		257.500.000.000	-	257.500.000.000
Cộng	39.411.742.374	257.500.000.000	0	296.911.742.374

5. Báo cáo bộ phận

Doanh thu chính của Công ty phát sinh chủ yếu trên cùng một địa bàn và doanh thu chủ yếu tập trung vào một số loại sản phẩm hàng hóa. Do đó, Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014 (Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2013.


- Kết quả Lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2014 so với Quý 4 năm 2013

So sánh kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2014 so với Quý 4 năm 2013 thấy: kết quả lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2014 giảm 29.765.195 đ so với Quý 4 năm 2013:


Mặc dù Doanh thu Quý 4 năm 2014 đạt Doanh thu cao hơn Quý 4 năm 2013, tuy nhiên do thị trường kinh tế những năm gần đây có kém phát triển, chi phí giá thành và các chi phí khác cao nên hiệu quả kinh tế không đạt như ý muốn. Đơn vị sẽ cố gắng đẩy mạnh cơ cấu bán hàng, giảm chi phí giá thành, cải tiến phương pháp kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành nghề chính (Khoáng sản, luyện kim), của Công ty phát triển nhằm tạo nhiều lợi nhuận và ổn định trong tương lai tới.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu


Đỗ Hữu Mạnh

Kế toán trưởng


Đỗ Hữu Mạnh

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiến